

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 1866/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương
chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng
Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục
đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện 20 công trình, dự án, với
tổng diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng là 415.785,1 m², gồm:
221.395,4 m² rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất và 194.389,7 m² rừng
ngoài quy hoạch (theo quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực
hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội

đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH


Trần Hải Châu

Phụ lục: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số **133** /NQ-HĐND ngày **02/10/2023** của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển MĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích, loại rừng (m ²)				Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính	
				Diện tích có rừng trồng chuyển mục đích sử dụng	Theo Quy hoạch 3 loại rừng				Diện tích không có rừng
					Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch		
	Tổng cộng		697.224,4	415.785,1		221.395,4	194.389,7	281.439,3	
1	Công trình Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư thôn Tân Định - Hiền Trung xã Hải Ninh	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh	30.653,2	30.653,2		30.653,2			Khoảnh 2 - Tiểu khu 369A, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh
2	Công trình Đường số 2 Hà Thiệp - Bắc Ninh (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh	68.011,1	54.344,9		25.362,4	28.982,5	13.666,2	Khoảnh 1- Tiểu khu 361 và Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh
3	Dự án Xây dựng Hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	UBND huyện Quảng Ninh	93.479,2	80.409,3		5.911,3	74.498,0	13.069,9	Khoảnh 1, 2 - Tiểu khu 368, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh
4	Công trình Hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân tập trung khu phía Tây xã Hải Ninh (giai đoạn 1)	UBND xã Hải Ninh	47.297,0	47.297,0		44.312,2	2.984,8		Các khoảnh 1, 2, 3 - TK 369A xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh
5	Công trình Hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân tập trung khu phía Nam xã Hải Ninh (giai đoạn 1)	UBND xã Hải Ninh	48.787,9	48.276,1		48.276,1		511,8	Các khoảnh 5, 6, 7 - TK 369A xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh
6	Dự án thành phần 1 - Dự án Đầu tư xây dựng 22 Trụ sở Công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Công an tỉnh	19.838,4	2.481,0		2.481,0		17.357,4	Các huyện: Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy
7	Dự án Nhà văn hóa thôn Hà Môn	UBND huyện Bố Trạch	4.706,5	3.910,5		3.910,5		796,0	Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa thiếu khu), xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch
8	Dự án Trường tiểu học số 2 Cự Nẫm	UBND huyện Bố Trạch	7.801,2	6.551,3		6.551,3		1.249,9	Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa thiếu khu), xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch

TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển MĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích, loại rừng (m ²)					Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
				Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Theo Quy hoạch 3 loại rừng			Diện tích không có rừng	
					Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch		
9	Dự án Xây dựng hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực thôn Nhân Đức xã Nhân Trạch (giai đoạn 2)	UBND xã Nhân Trạch	42.677,1	34.588,4		33.967,9	620,5	8.088,7	Khoảnh 1- Tiểu khu 260B, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch
10	Dự án Khu Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Blue Diamond Retreat	Công ty TNHH Oxalis Holiday	14.411,5	13.798,2			13.798,2	613,3	Khoảnh 1 - TK 240 xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch
11	Dự án Trạm trộn bê tông asphalt, bê tông tươi và sản xuất gạch block	Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và vận tải Phú Hưng	4.500,0	4.500,0			4.500,0		Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy
12	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối Tỉnh lộ 22	UBND huyện Quảng Trạch	34.328,7	4.616,1			4.616,1	29.712,6	Khoảnh 3, 4, 5 - Tiểu khu 181, xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch
13	Dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	31.399,4	1.257,6			1.257,6	30.141,8	Khoảnh 1- Tiểu khu 168D, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch
14	Dự án Đường phía Bắc trường tiểu học và THCS kết nối với hồ Bầu Mây tại trung tâm huyện lỵ, huyện Quảng Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	27.498,8	6.933,8			6.933,8	20.565,0	Khoảnh 1- Tiểu khu 187B, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch
15	Dự án Di dân khẩn cấp vùng sạt lở núi thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	55.731,8	7.501,6			7.501,6	48.230,2	Khoảnh 8 - Tiểu khu 157, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch
16	Dự án Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Tuyên Hóa	25.785,6	11.145,3		6.716,2	4.429,1	14.640,3	Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), Thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa

TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển MĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích, loại rừng (m ²)					Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
				Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Theo Quy hoạch 3 loại rừng			Diện tích không có rừng	
					Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch		
17	Dự án Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	UBND huyện Tuyên Hóa	41.014,9	21.742,1		1.638,4	20.103,7	19.272,8	Khoảnh 1, 2 - Tiểu khu 80, Xã Lê Hóa; các Khoảnh 2, 4, 7 - Tiểu khu 55, Xã Kim Hóa
18	Dự án Đường nối từ Hà Nam vào trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Tuyên Hóa	27.687,2	10.989,5		10.227,6	761,9	16.697,7	Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), Xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa
19	Dự án Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Tuyên Hóa	30.244,7	6.064,0		1.387,3	4.676,7	24.180,7	Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), xã Sơn Hóa và Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), xã Thuận Hóa và Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa
20	Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng khu vực quảng trường biển Nhật Lệ 2 tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình	41.370,2	18.725,2			18.725,2	22.645,0	Khoảnh 1 - Tiểu khu 359 xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình